



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

Cơ bản

tôi

ik

bạn
đại từ

je/jij

anh ấy

hij

cô ấy

zij

nó

het

chúng tôi / chúng ta

we/wij

các bạn

jullie

họ

zij

cái gì

wat

ai

wie

ở đâu

waar

tại sao

waarom

làm sao

cái nào

lúc nào

hoe

welke

wanneer

sau đó

nếu

thật sự

dan

als

echt

nhưng

bởi vì

không

maar

omdat

niet

này

đó
vật

tất cả

deze

dat

alle

hoặc

of

và

en

đây

hier

đó
địa điểm

daar

trái

links

phải

rechts

bây giờ

nu

buổi chiều

de
namiddag
namiddagen

buổi sáng
9:00-11:00

de
ochtend
ochtenden

ban đêm

de
nacht
nachten

buổi sáng
6:00-9:00

de
ochtend
ochtenden

buổi tối

de
avond
avonden

buổi trưa

de
middag
middagen

nửa đêm

de
middernacht

giờ

het
uur
uren

phút

de
minuut
minuten

giây

de
seconde
seconden

ngày

de
dag
dagen

tuần

de
week
weken

tháng

de
maand
maanden

năm

het
jaar
jaren

hôm qua

gisteren

hôm nay

vandaag

ngày mai

morgen

thứ hai
ngày

de
maandag
maandagen

thứ ba
ngày

de
dinsdag
dinsdagen

thứ tư
ngày

de
woensdag
woensdagen

thứ năm

de
donderdag
donderdagen

thứ sáu

de
vrijdag
vrijdagen

thứ bảy

de
zaterdag
zaterdagen

chủ nhật

de
zondag
zondagen

đàn bà

de
vrouw
vrouwen

đàn ông

de
man
mannen

tình yêu

de
liefde
liefdes

bạn trai

de
vriendje
vriendjes

bạn gái

de
vriendin
vriendinnen

bạn
danh từ

de
vriend
vrienden

hôn
danh từ

de
kus
kussen

tình dục

de
seks

trẻ em

het
kind
kinderen

con gái
đại cương

het
meisje
meisjes

con trai
đại cương

de
jongen
jongens

mẹ

de
ma
ma's

ba

de
pa
pa's

má
mẹ

de
moeder
moeders

cha

de
vader
vaders

cha mẹ

de
ouders

con trai
gia đình

de
zoon
zoons

con gái
gia đình

de
dochter
dochters

em gái

het
zusje
zusjes

em trai

het
broertje
broertjes

chị gái

de
grote zus
grote zussen

anh trai

de
grote broer
grote broers

chồng

de
man
mannen

vợ

de
vrouw
vrouwen

mỗi / mọi

elk

luôn luôn

altijd

thực ra

eigenlijk

lần nữa

weer

đã

al

ít hơn

minder

phần lớn

meest

nhiều hơn

meer

không có

geen

rất

heel

ở ngoài

buiten

ở trong

binnen

xa

ver

gần

dichtbij

bên dưới

beneden

bên trên

boven

bên cạnh

naast

phía trước

voor

phía sau

achter

mọi người

iedereen

cùng nhau

samen

khác

overig

mùa xuân

de
lente
lentes

mùa hè

de
zomer
zomers

mùa thu

de
herfst
herfsten

mùa đông

de
winter
winters

tháng một

de
januari

tháng hai

de
februari

tháng ba

de
maart

tháng tư

de
april

tháng năm

de
mei

tháng sáu

de
juni

tháng bảy

de
juli

tháng tám

de
augustus

tháng chín

de
september

tháng mười

de
oktober

tháng mười một

de
november

tháng mười hai

de
december

bắc

noord
noorden

đông

oost
oosten

nam

zuid
zuiden

tây

west
westen

thường xuyên

vaak

ngay lập tức

onmiddellijk

đột ngột

plotseling

mặc dù

hoewel

Số

0

de
nul
nullen

1

de
één
enen

2

de
twee
tweeën

3

de
drie
drieën

4

de
vier
vieren

5

de
vijf
vijven

6

de
zes
zessen

7

de
zeven
zevens

8

de
acht
achten

9

de
negen
negens

10

de
tien
tienen

11

elf

12

twaaif

13

dertien

14

veertien

15

vijftien

16

zestien

17

zeventien

18

achttien

19

negentien

20

twintig

21

eenentwintig

22

tweeëntwintig

26

zesentwintig

30

dertig

31

eenendertig

33

drieëndertig

37

zevenendertig

40

veertig

41

eenenveertig

44

vierenveertig

48

achtenveertig

50

vijftig

51

eenenvijftig

55

vijfenvijftig

59

negenenvijftig

60

zestig

61

eenenzestig

62

tweeënzestig

66

zesenzestig

70

zeventig

71

eenenzeventig

73

drieënzeventig

77

zevenenzeventig

80

tachtig

81

eenentachtig

84

vierentachtig

88

achtentachtig

90

negentig

91

eenennegentig

95

vijfennegentig

99

negenennegentig

100

honderd
honderden

101

honderdeen

105

honderdvijf

110

honderdtien

151

honderdeenenvijftig

200

tweehonderd

202

tweehonderdtwee

206

tweehonderdzes

220

tweehonderdtwintig

262

tweehonderdtweeënzestig

300

driehonderd

303

driehonderddrie

307

driehonderdzeven

330

driehonderddertig

373

driehonderddrieënzeventig

400

vierhonderd

404

vierhonderdvier

408

vierhonderdacht

440

vierhonderdveertig

484

vierhonderdvierentachtig

500

vijfhonderd

505

vijfhonderdvijf

509

vijfhonderdnegen

550

vijfhonderdvijftig

595

vijfhonderdvijfennegentig

600

zeshonderd

601

zeshonderdeen

606

zeshonderdzes

616

zeshonderd zestien

660

zeshonderd zestig

700

zevenhonderd

702

zevenhonderdtwee

707

zevenhonderdzeven

727

zevenhonderdzevenentwintig

770

zevenhonderdzeventig

800

achthonderd

803

achthonderddrie

808

achthonderdacht

838

achthonderdachtendertig

880

achthonderdtachtig

900

negenhonderd

904

negenhonderdvier

909

negenhonderdnegen

949

negenhonderdnegenenveertig

990

negenhonderdnegentig

1000

duizend
duizenden

1001

duizend en een

1012

duizend twaalf

1234

duizend
tweehonderdvierendertig

2000

tweeduizend

2002

tweeduizend twee

2023

tweeduizend drieëntwintig

2345

tweeduizend
driehonderdvijfenveertig

3000

drieduizend

3003

drieduizend drie

4000

vierduizend

4045

vierduizend vijfenveertig

5000

vijfduizend

5678

vijfduizend
zeshonderdachtenzeventig

6000

zesduizend

7000

zevenduizend

7890

zevenduizend
achthonderdnegentig

8000

achtduizend

8901

achtduizend
negenhonderdeen

9000

negenduizend

9090

negenduizend negentig

10.000

tienduizend
tienduizenden

10.001

tienduizend een

20.020

twintigduizend twintig

30.300

dertigduizend driehonderd

44.000

vierenveertigduizend

100.000

honderdduizend

500.000

vijfhonderdduizend

1.000.000

één miljoen

6.000.000

zes miljoen

10.000.000

tien miljoen

70.000.000

zeventig miljoen

100.000.000

honderd miljoen

800.000.000

achthonderd miljoen

1.000.000.000

één miljard

9.000.000.000

negen miljard

10.000.000.000

tien miljard

20.000.000.000

twintig miljard

100.000.000.000

honderd miljard

300.000.000.000

driehonderd miljard

1.000.000.000.000

één biljoen

Động từ

biết

weten
wist, geweten

nghĩ

denken
dacht, gedacht

đến

komen
kwam, gekomen

đặt

zetten
zette, gezet

lấy

nemen
nam, genomen

tìm

vinden
vond, gevonden

nghe

luisteren
luisterde, geluisterd

làm việc

werken
werkte, gewerkt

nói chuyện

praten
praatte, gepraat

cho

geven
gaf, gegeven

thích

leuk vinden
vond, gevonden

giúp đỡ

helpen
hielp, geholpen

yêu

houden van
hield, gehouden

gọi

bellen
belde, gebeld

chờ đợi

wachten
wachtte, gewacht

đứng

staan
stond, gestaan

ngồi

zitten
zat, gezeten

đóng

sluiten
sloot, gesloten

mở
cửa

openen
opende, geopend

thua

verliezen
verloor, verloren

thắng

winnen
won, gewonnen

chết

sterven
stierf, gestorven

sống
động từ

leven
leefde, geleefd

bật

inschakelen
inschakelde, ingeschakeld

tắt

uitschakelen
uitschakelde, uitgeschakeld

giết

vermoorden
vermoordde, vermoord

làm bị thương

verwonden
verwondde, verwond

chạm

aanraken
aanraakte, aangeraakt

xem

kijken
keek, gekeken

uống

drinken
dronk, gedronken

ăn

eten
at, gegeten

đi bộ

lopen
liep, gelopen

gặp

ontmoeten
ontmoette, ontmoet

đặt cược

wedden
wedde, gewed

hôn
động từ

kussen
kuste, gekust

đi theo

volgen
volgde, gevolgd

cưới

trouwen
trouwde, getrouwd

trả lời

antwoorden
antwoordde, geantwoord

hỏi

vragen
vraagde, gevraagd

kéo

trekken
trok, getrokken

đẩy

duwen
duwde, geduwd

ấn

drukken
drukte, gedrukt

đánh

slaan
sloeg, geslagen

bắt

vangen
ving, gevangen

chiến đấu

vechten
vocht, gevochten

ném

gooien
gooide, gegooid

chạy
động từ

rennen
rende, gerend

đọc

lezen
las, gelezen

viết

schrijven
schreef, geschreven

sửa chữa

repareren
repareerde, gerepareerd

đếm

tellen
telde, geteld

cắt

knippen
knipte, geknipt

bán

verkopen
verkocht, verkocht

mua

kopen
kocht, gekocht

trả

betalen
betaalde, betaald

học

studeren
studeerde, gestudeerd

mơ

dromen
droomde, gedroomd

ngủ

slapen
sliep, geslapen

chơi

spelen
speelde, gespeeld

ăn mừng

vieren
vierde, gevierd

thưởng thức

genieten
genoot, genoten

dọn dẹp

schoonmaken
maakte schoon, schoongemaakt

bắn

schieten
schoot, geschoten

bảo vệ

verdedigen
verdedigde, verdedigd

tấn công

aanvallen
aanviel, aangevallen

trộm

stelen
stal, gestolen

đốt

verbranden
verbrandde, verbrand

cứu

redden
redde, gered

bay

vliegen
vloog, gevlogen

khắc nhổ

spugen
spoog, gespuugd

đá
động từ

schoppen
schopte, geschopt

cắn

bijten
beet, gebeten

thở

ademen
ademde, geademd

ngửi

ruiken
rook, geroken

khóc

huilen
hulde, gehuild

hát

zingen
zong, gezongen

cười mỉm

glimlachen
glimlachte, geglimlacht

cười

lachen
lachte, gelachen

lớn lên

groeien
groeide, gegroeid

co lại

krimpen
kromp, gekrompen

tranh luận

ruzie maken
maakte, gemaakt

chia sẻ

delen
deelde, gedeeld

cho ăn

voeden
voedde, gevoed

trốn

verstoppen
verstopte, verstopt

cảnh báo

waarschuwen

waarschuwde, gewaarschuwd

bơi

zwemmen

zwom, gezwommen

nhảy

springen

sprong, gesprongen

nâng

optillen

optilde, opgetild

đào

graven

groef, gegraven

giao hàng

bezorgen

bezorgde, bezorgd

tìm kiếm

zoeken

zocht, gezocht

luyện tập

oefenen

oefende, geoefend

đi du lịch

reizen

reisde, gereisd

vẽ

verven

verfde, geverfd

mở

khóa

openen

opende, geopend

khóa

op slot doen

deed, gedaan

rửa

wassen
waste, gewassen

cầu nguyện

bidden
bad, gebeden

nấu ăn

koken
kookte, gekookt

nôn

braken
braakte, gebraakt

la hét

schreeuwen
schreeuwde, geschreeuwd

trích dẫn

citeren
citeerde, geciteerd

in

printen
printte, geprint

tính toán

rekenen
rekende, gerekend

kiếm tiền

verdiene
verdiende, verdiend

Tính từ

mới

cũ

ít

nieuw

oud

weinig

nhiều

sai

chính xác

veel

fout

correct

xấu

tốt

hạnh phúc

slecht

goed

gelukkig

ngắn

dài

nhỏ

kort

lang

klein

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

groot

mooi

jong

già

màu trắng

màu đen

oud

wit

zwart

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

rood

blauw

groen

màu vàng

chậm

nhanh

geel

langzaam

snel

vui vẻ

grappig

không công bằng

oneerlijk

công bằng

eerlijk

khó

moeilijk

dễ

gemakkelijk

giàu

rijk

nghèo

arm

khỏe

sterk

yếu

zwak

an toàn

veilig

mệt mỏi

moe

tự hào

trots

no bụng

vol

bệnh

ziek

khỏe mạnh

gezond

tức giận

boos

thấp
đại cương

laag

cao
đại cương

hoog

ngọt

zoet

chua

zuur

mềm

zacht

cứng

hard

đáng yêu

schattig

ngu ngốc

dom

điên hùng

gek

bận rộn

druk

cao
người

lang

thấp
người

klein

lo lắng

bezorgd

ngạc nhiên

verrast

cư xử tốt

beleefd

ác độc

boosaardig

khéo léo

slim

lạnh

koud

nóng

heet

màu cam

oranje

màu xám

grijs

màu nâu

bruin

màu hồng

roze

nhàm chán

saai

nặng

zwaar

nhẹ

licht

cô đơn

eenzaam

đói bụng

hongerig

khát nước

dorstig

buồn

verdrietig

dốc

steil

bằng phẳng

vlak

hẹp

smal

rộng

breed

sâu

diep

nông

ondiep

lớn
rất

reusachtig

bản

vuil

sạch sẽ

schoon

đầy

vol

trống rỗng

leeg

đắt

duur

rẻ

goedkoop

quyến rũ

sexy

lười biếng

lui

dũng cảm

moedig

hào phóng

gul

ướt

nat

khô

droog

ồn ào

luid

yên tĩnh

rustig

nắng

zonnig

nhiều mưa

regenachtig

sương mù
tính từ

mistig

nhiều mây

bewolkt

Thể thao

thể dục dụng cụ

de
gymnastiek

quần vợt

het
tennis

chạy
danh từ

het
hardlopen

đạp xe

het
wielrennen

đánh golf

het
golf

bóng đá

het
voetbal

bóng rổ

het
basketbal

bơi lội

het
zwemmen

lặn

het
duiken

đi bộ đường dài

het
hiken

chạy marathon

de
marathon

ba môn phối hợp

de
triatlon

bóng bàn

het
tafeltennis

cử tạ

het
gewichtheffen

quyền anh

het
boksen

cầu lông

het
badminton

trượt băng nghệ thuật

het
kunstschaatsen

trượt ván tuyết

het
snowboarden

trượt tuyết

het
skiën

trượt tuyết băng đồng

het
langlaufen

khúc côn cầu trên băng

de
ijshockey

bóng chuyền

het
volleybal

bóng ném

het
handbal

bóng chuyền bãi biển

het
beachvolleybal

bóng rugby

het
rugby

bóng gậy

het
cricket

bóng chày

het
honkbal

bóng bầu dục Mỹ

het
American football

bóng nước

het
waterpolo

nhảy cầu

het
schoonspringen

lướt sóng

het
surfen

đua thuyền buồm

het
zeilen

chèo thuyền

het
roeien

yoga

de
yoga

khiêu vũ

het
dansen

nhảy dù

het
parachutespringen

cờ vua

het
schaken

đánh bài poker

het
poker

bowling

het
bowlen

múa ba lê

het
ballet

Động vật

con lợn

het
varken
varkens

con bò

de
koe
koeien

con ngựa

het
paard
paarden

con chó

de
hond
honden

con cừu

het
schaap
schapen

con khỉ

de
aap
apen

con mèo

de
kat
katten

con gấu

de
beer
beren

con gà

de
kip
kippen

con vịt

de
eend
eenden

con bướm

de
vlinder
vlinders

con ong

de
bij
bijen

con cá

de
vis
vissen

con nhện

de
spin
spinnen

con rắn

de
slang
slangen

con hổ

de
tijger
tijgers

con chuột

de
muis
muizen

con thỏ

het
konijn
konijnen

con sư tử

de
leeuw
leeuwen

con lừa

de
ezel
ezels

con voi

de
olifant
olifanten

con chim bồ câu

de
duif
duiven

con bọ

de
kever
kevers

con muỗi

de
mug
muggen

con ruồi

de
vlieg
vliegen

con kiến

de
mier
mieren

con cá voi

de
walvis
walvissen

con cá mập

de
haai
haaien

con cá heo

de
dolfijn
dolfijnen

con ốc sên

de
slak
slakken

con ếch

de
kikker
kikkers

con gấu trúc

de
panda
panda's

con gấu Bắc cực

de
ijsbeer
ijsberen

con chó sói

de
wolf
wolven

con gấu túi

de
koala
koala's

con chuột túi

de
kangoeroe
kangoeroes

con hươu cao cổ

de
giraf
giraffen

con cáo

de
vos
vossen

con hà mã

het
nijlpaard
nijlpaarden

con dơi

de
vleermuis
vleermuizen

con quạ

de
raaf
raven

con thiên nga

de
zwaan
zwanen

con chim hải âu

de
meeuw
meeuwen

con cú

de
uil
uilen

con chim cánh cụt

de
pinguïn
pinguïns

con vẹt

de
papegaai
papegaaien

con sâu bướm

de
rups
rupsen

con chuồn chuồn

de
libel
libellen

con mực ống

de
inktvis
inktvisen

con bạch tuộc

de
octopus
octopussen

con cá ngựa

het
zeepaardje
zeepaardjes

con hải cẩu

de
zeehond
zeehonden

con sứa

de
kwal
kwallen

con cua

de
krab
krabben

con khủng long

de
dinosaurus
dinosaurussen

con rùa cạn

de
schildpad
schildpadden

con cá sấu

de
krokodil
krokodillen

Quốc gia

Châu Âu

Europa

Châu Á

Azië

Châu Mỹ

Amerika

Châu Phi

Afrika

Vương quốc Anh

Verenigd Koninkrijk

Tây Ban Nha

Spanje

Thụy sĩ

Zwitserland

Ý

Italië

Pháp

Frankrijk

Đức

Duitsland

Thái Lan

Thailand

Singapore

Singapore

Nga

Rusland

Nhật Bản

Japan

Israel

Israël

Ấn Độ

India

Trung Quốc

China

Hoa Kỳ

Verenigde Staten van
Amerika

Mexico

Mexico

Canada

Canada

Chile

Chili

Brazil

Brazilië

Argentina

Argentinië

Nam Phi

Zuid-Afrika

Nigeria

Nigeria

Ma Rốc

Marokko

Libya

Libië

Kenya

Kenia

Algeria

Algerije

Ai Cập

Egypte

New Zealand

Nieuw-Zeeland

Úc

Australië

Cơ thể

đầu

het
hoofd
hoofden

mũi

de
neus
neuzen

tóc

het
haar
haren

miệng

de
mond
monden

tai

het
oor
oren

mắt

het
oog
ogen

bàn tay

de
hand
handen

bàn chân

de
voet
voeten

tim

het
hart
harten

não

de
hersenen
hersenen

cổ

de
nek
nekken

mông

de
kont
konten

vai

de
schouder
schouders

đầu gối

de
knie
knieën

chân

het
been
benen

tay

de
arm
armen

bụng

de
buik
buiken

ngực

de
boezem
boezems

lưng

de
rug
ruggen

răng

de
tand
tanden

lưỡi

de
tong
tongen

môi

de
lip
lippen

ngón tay

de
vinger
vingers

ngón chân

de
teen
tenen

dạ dày

de
maag
magen

phổi

de
long
longen

gan

de
lever
levers

dây thần kinh

de
zenuw
zenuwen

thận

de
nier
nieren

ruột

de
darm
darmen

trán

het
voorhoofd
voorhoofden

cằm

de
kin
kinnen

má
cơ thể

de
wang
wangen

râu

de
baard
baarden

ngón cái

de
duim
duimen

ngón tay út

de
pink
pinken

ngón tay đeo nhẫn

de
ringvinger
ringvingers

ngón tay giữa

de
middelvinger
middelvingers

ngón tay trỏ

de
wijsvinger
wijsvingers

móng tay

de
vingernagel
vingernagels

gót chân

de
hiel
hielen

xương sống

de
wervelkolom
wervelkolommen

cơ bắp

de
spier
spieren

xương
cơ thể

het
bot
botten

bộ xương

het
skelet
skeletten

xương sườn

de
rib
ribben

đốt sống

de
wervel
wervels

bàng quang

de
blaas
blazen

tĩnh mạch

de
ader
aders

động mạch

de
slagader
slagaders

âm đạo

de
vagina
vagina's

tinh trùng

het
sperma

dương vật

de
penis
penissen

tinh hoàn

de
zaadbal
zaadballen

Ngôi nhà

cửa

de
deur
deuren

nhà bếp

de
keuken
keukens

phòng tắm

de
badkamer
badkamers

phòng khách

de
woonkamer
woonkamers

phòng ngủ

de
slaapkamer
slaapkamers

vườn

de
tuin
tuinen

gara

de
garage
garages

tường

de
muur
muren

tầng hầm

de
kelder
kelders

nhà vệ sinh
nhà ở

het
toilet
toiletten

cầu thang

de
trap
trappen

mái nhà

het
dak
daken

cửa sổ
tòa nhà

het
raam
ramen

dao

het
mes
messen

tách

de
kop
koppen

ly

het
glas
glazen

đĩa

het
bord
borden

cốc

de
beker
bekers

thùng rác

de
afvalbak
afvalbakken

tô

de
kom
kommen

bàn
văn phòng

het
bureau
bureaus

giường

het
bed
bedden

gương

de
spiegel
spiegels

vòi hoa sen

de
douche
douches

ghế sofa

de
bank
banken

ảnh

de
foto
foto's

đồng hồ

de
klok
klokken

bàn
nhà

de
tafel
tafels

ghế
nhà

de
stoel
stoelen

hàng xóm

de
buur
buren

thang máy

de
lift
liften

ban công

het
balkon
balkons

gác xép

de
zolder
zolders

ống khói

de
schoorsteen
schoorstenen

muỗng gỗ

de
pollepel
pollepels

đũa

het
eetstokje
eetstokjes

bộ dao nĩa

het
bestek

muỗng

de
lepel
lepels

nĩa

de
vork
vorken

cái vá

de
soeplepel
soeplepel

nồi

de
kookpot
kookpotten

chảo

de
pan
pannen

bóng đèn

de
gloeilamp
gloeilampen

giá sách

de
boekenplank
boekenplanken

rèm

het
gordijn
gordijnen

nệm

het
matras
matrassen

gối

het
kussen
kussens

chăn

de
deken
dekens

kệ

de
plank
planken

ngăn kéo

de
lade
laden

tủ quần áo

de
kledingkast
kledingkasten

xô

de
emmer
emmers

chổi

de
bezem
bezems

cái cân

de
weegschaal
weegschalen

giỏ đựng đồ giặt

de
wasmand
wasmanden

bồn tắm

het
bad
baden

khăn tắm
to lớn

de
badhanddoek
badhanddoeken

xà phòng

de
zeep
zepen

giấy vệ sinh

het
toilet papier
toilet papier

khăn tắm
nhỏ bé

de
handdoek
handdoeken

bồn rửa mặt

de
wasbak
wasbakken

cái thang

de
ladder
ladders

hộp thư

de
brievenbus
brievenbussen

hàng rào

het
hek
hekken

Thức ăn

trúng

het
ei
eieren

phô mai

de
kaas
kazen

sữa

de
melk

cá

de
vis
vissen

thịt

het
vlees

xương
món ăn

het
bot
botten

dầu

de
olie
oliën

bánh mì

het
brood
broden

đường
món ăn

de
suiker
suikers

sô cô la

de
chocola

kẹo

het
snoep

bánh bông lan

de
cake
cakes

nước

het
water
waters

cà phê

de
koffie
koffies

trà

de
thee
theeën

bia

het
bier
bieren

rượu nho

de
wijn
wijnen

sa lát

de
salade
salades

súp

de
soep
soepen

món tráng miệng

het
nagerecht
nagerechten

bữa ăn sáng

het
ontbijt
ontbijten

bữa trưa

de
lunch
lunches

bữa tối

het
avondeten

pizza

de
pizza
pizza's

kem

het
ijsje
ijsjes

bơ

de
boter

sữa chua

de
yoghurt

cá ngừ

de
tonijn
tonijnen

cá hồi

de
zalm
zalmen

giăm bông

de
ham
hammen

thịt ba rọi

het
spek

xúc xích

de
worst
worsten

thịt gà tây

het
kalkoenvlees

thịt gà

het
kippenvlees

thịt bò

het
rundvlees

thịt heo

het
varkensvlees

thịt cừu

het
lamsvlees

bí ngô

de
pompoen
pompoenen

nấm

de
paddestoel
paddestoelen

nấm cộc

de
truffel
truffels

tỏi

de
knoflook

tỏi tây

de
prei
preien

gừng

de
gember

cà tím

de
aubergine
aubergines

khoai lang

de
zoete aardappel
zoete aardappelen

cà rốt

de
wortel
wortels

dưa chuột

de
komkommer
komkommers

ớt

de
chilipeper
chilipepers

ớt chuông

de
paprika
paprika's

củ hành

de
ui
uien

khoai tây

de
aardappel
aardappelen

bông cải trắng

de
bloemkool
bloemkolen

bắp cải

de
kool
kolen

bông cải xanh

de
broccoli

xà lách

de
sla

rau chân vịt

de
spinazie

tre

de
bamboe

ngô

de
maïs

cần tây

de
selderij

đậu Hà Lan

de
erwt
erwten

hạt đậu

de
boon
bonen

quả lê

de
peer
peren

quả táo

de
appel
appels

quả ô liu

de
olijf
olijven

quả sung

de
vijg
vijgen

quả chà là

de
dadel
dadels

quả dừa

de
kokosnoot
kokosnoten

quả hạnh nhân

de
amandel
amandelen

hạt phỉ

de
hazelnoot
hazelenoten

đậu phộng

de
pinda
pinda's

quả chuối

de
banaan
bananen

quả xoài

de
mango
mango's

quả kiwi

de
kiwi
kiwi's

quả bơ

de
avocado
avocado's

quả dứa

de
ananas
ananasen

dưa hấu

de
watermeloen
watermeloenen

quả nho

de
druif
druiven

dưa gang

de
suikermeloen
suikermeloenen

quả mâm xôi

de
framboos
frambozen

quả việt quất

de
bosbes
bosbessen

quả dâu tây

de
aardbei
aardbeien

quả anh đào

de
kers
kersen

quả mận

de
pruim
pruimen

quả mơ

de
abrikoos
abrikozen

quả đào

de
perzik
perziken

quả chanh

de
citroen
citroenen

quả bưởi

de
grapefruit
grapefruits

quả cam

de
sinaasappel
sinaasappels

cà chua

de
tomaat
tomaten

bạc hà

de
munt

sả

het
citroengras

quế

de
kaneel

vani

de
vanille

muối

het
zout

tiêu

de
peper

cà ri

de
kerrie

thuốc lá
thực vật

de
tabak

đậu hũ

de
tofu

giấm

de
azijn
azijnen

mì sợi

de
noedel
noedels

sữa đậu nành

de
sojamelk

bột mì

de
meel

gạo

de
rijst

yến mạch

de
haver

lúa mì

de
tarwe

đậu nành

de
soja

hạt

de
noot
noten

mật ong

de
honing

mút

de
jam

kẹo cao su

de
kauwgom

bánh kẹp

de
pannenkoek
pannenkoeken

bánh quy

het
koekje
koekjes

bánh pudding

de
pudding
puddingen

bánh muffin

de
muffin
muffins

bánh rán vòng

de
donut
donuts

nước tăng lực

de
energiedrank
energiedranken

nước cam

de
sinaasappelsap

nước táo

de
appelsap

sữa lắc

de
milkshake
milkshakes

coca cola

de
cola
cola's

sô cô la nóng

de
warme chocolademelk

rượu cocktail

de
cocktail
cocktails

rượu rum

de
rum

rượu whisky

de
whisky
whisky's

rượu vodka

de
wodka
wodka's

thực đơn

het
menu
menu's

hải sản

de
zeevruchten

mì Ý

de
spaghetti

sushi

de
sushi
sushi's

bắp rang bơ

de
popcorn

khoai tây lát mỏng

de
chips

cánh gà

de
kippenvleugels

khoai tây chiên

de
Franse frietjes

mù tạt

de
mosterd

sốt mayonnaise

de
mayonnaise
mayonaises

nước sốt cà chua

de
ketchup

bánh mì kẹp

de
boterham
boterhammen

bánh mì kẹp xúc xích

de
hotdog
hotdogs

bánh burger

de
burger
burgers

Trường học

sách

het
boek
boeken

thư viện

de
bibliotheek
bibliotheken

bài tập về nhà

het
huiswerk

bài thi

het
examen
examens

bài học

de
les
lessen

khoa học

de
wetenschap

lịch sử

de
geschiedenis

nghệ thuật

de
kunst

cây bút

de
pen
pennen

bút chì

het
potlood
potloden

thứ nhất

de
eerste
eersten

thứ hai
2

de
tweede
tweeden

thứ ba
3

de
derde
derden

thứ tư
4

de
vierde
vierden

ngiên cứu

het
onderzoek
onderzoeken

bằng cấp

de
graad
graden

sân thể thao

het
sportveld
sportvelden

từ điển

het
woordenboek
woordenboeken

học kì

het
semester
semesters

sổ tay

het
notitieboek
notitieboeken

hình học

de
geometrie

chính trị học

de
politiek

triết học

de
filosofie

kinh tế học

de
economie

giáo dục thể chất

de
lichamelijke opvoeding

sinh học

de
biologie

toán học

de
wiskunde

địa lý

de
aardrijkskunde

văn học

de
literatuur

hóa học

de
scheikunde

vật lý

de
natuurkunde

cái thước

de
liniaal
linialen

cục tẩy

de
gum
gummen

cái kéo

de
schaar
scharen

băng dính

het
plakband

keo dán

de
lijm
lijmen

bút bi

de
balpen
balpennen

kẹp giấy

de
paperclip
paperclips

3%

drie procent

100%

honderd procent

0%

nul procent

mét khối

de
kubieke meter
kubieke meters

mét vuông

de
vierkante meter
vierkante meters

dặm

de
mijl
mijlen

mét

de
meter
meters

mi-li-mét

de
millimeter
millimeters

xen-ti-mét

de
centimeter
centimeters

đề-xi-mét

de
decimeter
decimeters

phép cộng

het
optellen

phép trừ

het
aftrekken

phép nhân

het
vermenigvuldigen

phép chia

het
delen

diện tích

het
oppervlakte
oppervlaktes

thể tích

het
volume
volumen

hình chữ nhật

de
rechthoek
rechthoeken

hình vuông

het
vierkant
vierkanten

tam giác

de
driehoek
driehoeken

hình tròn

de
cirkel
cirkels

lít

de
liter
liters

mililít

de
milliliter
milliliters

tấn

de
ton
tonnen

kilôgam

de
kilogram
kilogrammen

gram

de
gram
grammen

nam châm

de
magneet
magneten

kính hiển vi

de
microscop
microscopen

cái phễu

de
trechter
trechters

phòng thí nghiệm

het
laboratorium
laboratoria

bài giảng

het
hoorcollege
hoorcolleges

Thiên nhiên

tro

de
as

lửa

het
vuur

kim cương

de
diamant
diamanten

mặt trăng

de
maan
manen

mặt trời

de
zon

ngôi sao

de
ster
sterren

hành tinh

de
planeet
planeten

bờ biển
biển

de
kust
kusten

hồ

het
meer
meren

rừng

het
bos
bossen

sa mạc

de
woestijn
woestijnen

đồi núi

de
heuvel
heuvels

đá
danh từ

de
rots
rotsen

con sông

de
rivier
rivieren

thung lũng

de
vallei
valleien

núi

de
berg
bergen

đảo

het
eiland
eilanden

đại dương

de
ocean
oceanen

biển

de
zee
zeeën

băng

het
ijs

tuyết

de
sneeuw

bão táp

de
storm
stormen

mưa

de
regen
regens

gió

de
wind
winden

cây

de
boom
bomen

cỏ

het
gras
grassen

hoa hồng

de
roos
rozen

hoa

de
bloem
bloemen

kim loại

het
metaal
metalen

đất

de
bodem

dung nham

de
lava

than

de
kool
kolen

cát

het
zand

đất sét

de
klei

tên lửa

de
raket
raketten

vệ tinh

de
satelliet
satellieten

thiên hà

het
sterrenstelsel
sterrenstelsels

tiểu hành tinh

de
asteroïde
asteroïden

lục địa

het
continent
continenten

đường Xích đạo

de
evenaar
evenaars

Nam cực

de
Zuidpool

Bắc cực

de
Noordpool

suối

de
stroom
stromen

rừng nhiệt đới

het
regenwoud
regenwouden

hang

de
grot
grotten

thác nước

de
waterval
watervallen

bờ biển
con sông

de
oever
oevers

sông băng

de
gletsjer
gletsjers

động đất

de
aardbeving
aardbevingen

miệng núi lửa

de
krater
kraters

núi lửa

de
vulkaan
vulkanen

khí quyển

de
atmosfeer
atmosferen

lũ lụt

de
overstroming
overstromingen

sương mù
danh từ

de
nevel

cầu vồng

de
regenboog
regenbogen

tiếng sấm

de
donder
donders

tia chớp

de
bliksem
bliksems

cơn dông

de
onweersbui
onweersbuien

nhệt độ

de
temperatuur
temperaturen

bão nhiệt đới

de
tyfoon
tyfoons

bão

de
orkaan
orkanen

mây

de
wolk
wolken

cành cây

de
tak
takken

lá cây

het
blad
bladeren

rễ cây

de
wortel
wortels

thân cây

de
boomstam
boomstammen

hạt giống

het
zaad
zaden

nhựa

het
plastic
plastics

cacbon điôxít

de
koolstofdioxide

nguyên tử

het
atoom
atomen

sắt

het
ijzer

ôxy

de
zuurstof

vàng

het
goud

bạc

het
zilver

Giao thông

xe hơi

de
auto
auto's

xe buýt

de
bus
bussen

xe lửa

de
trein
treinen

ga xe lửa

het
treinstation
treinstations

trạm dừng xe buýt

de
bushalte
bushaltes

máy bay

het
vliegtuig
vliegtuigen

tàu

het
schip
schepen

xe tải

de
vrachtwagen
vrachtwagens

xe đạp

de
fiets
fietsen

xe mô tô

de
motorfiets
motorfietsen

xe taxi

de
taxi
taxi's

đèn giao thông

het
stoplicht
stoplichten

bãi đậu xe

de
parkeerplaats
parkeerplaatsen

đường
xe hơi

de
weg
wegen

ắc quy

de
accu
accu's

động cơ
xe hơi

de
motor
motoren

túi khí

de
airbag
airbags

vô-lăng

het
stuur
sturen

dây an toàn

de
gordel
gordels

lốp xe

de
band
banden

cốp sau

de
kofferbak
kofferbakken

máy bán vé

de
kaartautomaat
kaartautomaten

phòng bán vé

het
kaartjesloket
kaartjesloketten

tàu điện ngầm

de
metro
metro's

tàu cao tốc

de
hogesnelheidstrein
hogesnelheidstreinen

đầu máy

de
locomotief
locomotieven

xe điện

de
tram
trams

xe buýt trường học

de
schoolbus
schoolbussen

xe buýt nhỏ

de
minibus
minibussen

sân bay

de
luchthaven
luchthavens

hãng hàng không

de
luchtvaartmaatschappij
luchtvaartmaatschappijen

máy bay trực thăng

de
helikopter
helikopters

hạng nhất

de
eerste klasse

hạng phổ thông

de
economy class

hạng thương gia

de
business class

áo phao

het
reddingsvest
reddingsvesten

công ten nơ

de
container
containers

tàu ngầm

de
onderzeeër
onderzeeërs

tàu du lịch

het
cruiseschip
cruiseschepen

tàu chở hàng

het
containerschip
containerschepen

du thuyền

het
jacht
jachten

phà

de
veerboot
veerboten

hải cảng

de
haven
havens

xuồng cứu sinh

de
reddingsboot
reddingsboten

ra đa

de
radar
radars

đèn đường

de
straatlantaarn
straatlantaarns

vĩa hè

de
stoep
stoepen

trạm xăng

het
benzinstation
benzinstations

công trường

de
bouwplaats
bouwplaatsen

vạch qua đường

het
zebrapad
zebrapaden

tắc đường

de
file
files

đường cao tốc

de
snelweg
snelwegen

xe tăng

de
tank
tanks

máy xúc

de
graafmachine
graafmachines

máy kéo

de
tractor
tractors

rơ-moóc

de
aanhangwagen
aanhangwagens

xe tay ga

de
scooter
scooters

xe cáp treo

de
kabelbaan
kabelbanen

Thành phố

bệnh viện

het
ziekenhuis
ziekenhuizen

trường học

de
school
scholen

nhà ở

het
huis
huizen

hóa đơn

de
rekening
rekeningen

chợ

de
markt
markten

siêu thị

de
supermarkt
supermarkten

căn hộ

het
appartement
appartementen

trường đại học

de
universiteit
universiteiten

nông trại

de
boerderij
boerderijen

nhà thờ

de
kerk
kerken

nhà hàng

het
restaurant
restaurants

quán bar

de
bar
bars

phòng thể dục

de
sportschool
sportscholen

công viên

het
park
parken

nhà vệ sinh
đại cương

het
toilet
toiletten

bản đồ

de
kaart
kaarten

xe cứu thương

de
ambulance
ambulances

cảnh sát
đại cương

de
politie

lính cứu hỏa
đại cương

de
brandweerlieden

quốc gia

het
land
landen

ngoại ô

de
buitenwijk
buitenwijken

ngôi làng

het
dorp
dorpen

bảo hành

de
garantie
garanties

trung tâm mua sắm

het
winkelcentrum
winkelcentra

tiệm thuốc

de
apotheek
apotheken

tòa nhà chọc trời

de
wolkenkrabber
wolkenkrabbers

lâu đài

het
kasteel
kastelen

đại sứ quán

de
ambassade
ambassades

giáo đường Do Thái

de
synagoge
synagoges

ngôi đền

de
tempel
tempels

nhà máy

de
fabriek
fabrieken

nhà thờ Hồi giáo

de
moskee
moskeeën

tòa thị chính

het
stadhuis
stadhuizen

bưu điện

het
postkantoor
postkantoren

đài phun nước

de
fontein
fonteinen

câu lạc bộ đêm

de
nachtclub
nachtclubs

băng ghế

het
bankje
bankjes

sân golf

de
golfbaan
golfbanen

sân bóng đá

het
voetbalstadion
voetbalstadions

hồ bơi
tòa nhà

het
zwembad
zwembaden

sân quần vợt

de
tennisbaan
tennisbanen

thông tin du lịch

de
toeristeninformatie

sòng bạc

het
casino
casino's

phòng triển lãm nghệ thuật

de
kunstgalerij
kunstgalerijen

bảo tàng

het
museum
musea

công viên quốc gia

het
nationaal park
nationale parken

quà lưu niệm

het
souvenir
souvenirs

thủy cung

het
aquarium
aquaria

trượt nước

de
waterglijbaan
waterglijbanen

tàu lượn siêu tốc

de
achtbaan
achtbanen

công viên nước

het
waterpark
waterparken

vườn bách thú

de
dierentuin
dierentuinen

sân chơi

de
speelplaats
speelplaatsen

cửa thoát hiểm
tòa nhà

de
nooduitgang
nooduitgangen

chuông báo cháy

het
brandalarm
brandalarmen

bình cứu hỏa

de
brandblusser
brandblussers

đồn cảnh sát

het
politiebureau
politiebureaus

tiểu bang

de
staat
staten

khu vực

de
regio
regio's

thủ đô

de
hoofdstad
hoofdsteden

Bệnh viện

tai nạn

het
ongeval
ongevallen

bệnh nhân

de
patiënt
patiënten

phẫu thuật

de
operatie
operaties

viên thuốc

de
pil
pillen

sốt

de
koorts
koortsen

ho

de
hoest

phòng cấp cứu

de
spoedeisende hulp

khoa hồi sức tích cực

de
intensive care

phòng chờ

de
wachtkamer
wachtkamers

thuốc aspirin

de
aspirine
aspirines

thuốc ngủ

de
slaappil
slaappillen

ngày hết hạn

de
vervaldatum
vervaldata

liều lượng

de
dosering
doseringen

si-rô ho

de
hoestsiroop
hoestsiropen

tác dụng phụ

de
bijwerking
bijwerkingen

insulin

de
insuline

bột

de
poeder
poeders

viên nhộng

de
capsule
capsules

vitamin

de
vitamine
vitamines

thuốc giảm đau

de
pijnstiller
pijnstillers

kháng sinh

het
antibioticum
antibiotica

vi khuẩn

de
bacterie
bacteriën

vi rút

het
virus
virussen

đau tim

de
hartaanval
hartaanvallen

tiêu chảy

de
diarree

tiểu đường

de
suikerziekte

đột quỵ

de
beroerte
beroertes

hen suyễn

de
astma

ung thư

de
kanker
kankers

cúm

de
griep

đau răng

de
kiespijn

cháy nắng

de
zonnebrand

viêm họng

de
keelpijn
keelpijnen

đau bụng

de
buikpijn
buikpijnen

nhiễm trùng

de
infectie
infecties

dị ứng

de
allergie
allergieën

chuột rút

de
kramp
krampen

đau đầu

de
hoofdpijn
hoofdpijnen

ống tiêm

de
sput
spuiten

nặng

de
kruk
krukken

chụp X quang

de
röntgenfoto
röntgenfoto's

máy siêu âm

het
echo-apparaat
echo-apparaten

bó bột
nhỏ bé

de
pleister
pleisters

xe lăn

de
rolstoel
rolstoelen

bó bột
gãy xương

het
gips
gipsen

mạch

de
polsslag
polsslagen

chấn thương

de
verwonding
verwondingen

cấp cứu

het
noodgeval
noodgevallen

chấn động

de
hersenschudding
hersenschuddingen

vết bỏng

de
brandwond
brandwonden

gãy xương

de
botbreuk
botbreuken

thuốc tránh thai

de
anticonceptiepil
anticonceptiepillen

thử thai

de
zwangerschapstest
zwangerschapstesten

Nghề nghiệp

bác sĩ

de
dokter
dokters

y tá

de
verpleegster
verpleegsters

cảnh sát
người

de
politieagent
politieagenten

tổng thống

de
president
presidenten

thuyền trưởng

de
kapitein
kapiteins

thám tử

de
detective
detectives

phi công

de
piloot
piloten

giáo sư

de
professor
professors

giáo viên

de
leraar
leraren

luật sư

de
advocaat
advocaten

thư ký

de
secretaris
secretarissen

trợ lý

de
assistent
assistenten

thẩm phán

de
rechter
rechters

quản lý

de
manager
managers

đầu bếp

de
kok
koks

tài xế taxi

de
taxichauffeur
taxichauffeurs

tài xế xe buýt

de
buschauffeur
buschauffeurs

người mẫu

het
model
modellen

nghệ sĩ

de
artiest
artiesten

thủ tướng

de
minister-president
minister-presidenten

dược sĩ

de
apotheker
apothekers

lính cứu hỏa
người

de
brandweerman
brandweermannen

nha sĩ

de
tandarts
tandartsen

doanh nhân

de
ondernemer
ondernemers

chính trị gia

de
politicus
politici

lập trình viên

de
programmeur
programmeurs

tiếp viên hàng không

de
stewardess
stewardessen

nhà khoa học

de
wetenschapper
wetenschappers

giáo viên mầm non

de
kleuterjuf
kleuterjuffen

kiến trúc sư

de
architect
architecten

kế toán viên

de
accountant
accountants

tư vấn viên

de
consultant
consultants

công tố viên

de
aanklager
aanklagers

tổng quản lý

de
algemeen directeur
algemeen directeurs

vệ sĩ

de
lijfwacht
lijfwachten

chủ nhà

de
huisbaas
huisbazen

bồi bàn

de
ober
obers

nhân viên bảo vệ

de
bewaker
bewakers

bộ đội

de
soldaat
soldaten

ngư dân

de
visser
vissers

nhân viên vệ sinh

de
schoonmaker
schoonmakers

thợ sửa ống nước

de
loodgieter
loodgieters

thợ điện

de
elektricien
elektriciens

nông dân

de
boer
boeren

lễ tân

de
receptionist
receptionisten

người đưa thư

de
postbode
postbodes

thu ngân

de
caissière
caissières

thợ làm tóc

de
kapper
kappers

tác giả

de
auteur
auteurs

nhà báo

de
journalist
journalisten

nhiếp ảnh gia

de
fotograaf
fotografen

nhân viên cứu hộ

de
badmeester
badmeesters

ca sĩ

de
zanger
zangers

nhạc sĩ

de
muzikant
muzikanten

diễn viên

de
acteur
acteurs

phóng viên

de
verslaggever
verslaggevers

huấn luyện viên

de
trainer
trainers

trọng tài

de
scheidsrechter
scheidsrechters

Kinh doanh

tiền

het
geld

văn phòng

het
kantoor
kantoren

áp lực

de
stress

bảo hiểm

de
verzekering
verzekeringen

nhân viên
công ty

het
personeel

bộ phận

de
afdeling
afdelingen

lương

het
salaris

địa chỉ

het
adres
adressen

lá thư

de
brief
brieven

số điện thoại

het
telefoonnummer
telefoonnummers

url

de
URL
URL's

địa chỉ email

het
e-mailadres
e-mailadressen

trang mạng

de
website
websites

thư điện tử

de
e-mail
e-mails

chữ ký

de
handtekening
handtekeningen

thua lỗ

het
verlies
verliezen

lợi nhuận

de
winst
winsten

khách hàng

de
klant
klanten

số tiền

het
bedrag
bedragen

thẻ tín dụng

de
kredietkaart
kredietkaarten

mật khẩu

het
wachtwoord
wachtwoorden

máy rút tiền

de
geldautomaat
geldautomaten

thuế

de
belasting
belastingen

phòng họp

de
vergaderzaal
vergaderzalen

danh thiếp

het
visitekaartje
visitekaartjes

công nghệ thông tin

de
ICT

nhân sự

de
personeelszaken

bộ phận pháp lý

de
juridische afdeling
juridische afdelingen

kế toán

de
boekhouding

tiếp thị

de
marketing

bán hàng

de
verkoop
verkopen

đồng nghiệp

de
collega
collega's

người sử dụng lao động

de
werkgever
werkgevers

nhân viên
người

de
werknemer
werknemers

chú thích

de
notitie
notities

thuyết trình

de
presentatie
presentaties

bìa cứng

de
map
mappen

con dấu cao su

de
stempel
stempels

máy chiếu

de
beamer
beamers

bưu kiện

het
pakket
pakketten

con tem

de
postzegel
postzegels

phong bì

de
envelop
enveloppen

trình duyệt

de
browser
browsers

đầu tư

de
investeren
investeringen

sàn giao dịch chứng khoán

de
effectenbeurs
effectenbeursen

tiền giấy

het
biljet
biljetten

tiền xu

de
munt
munten

tiền lãi

de
rente
rentes

khoản vay

de
lening
leningen

số tài khoản

het
rekeningnummer
rekeningnummers

tài khoản ngân hàng

de
bankrekening
bankrekeningen

Thiết bị

điện thoại

de
telefoon
telefoons

bộ tivi

de
tv
tv's

máy ảnh

de
camera
camera's

đài radio

de
radio
radio's

quạt

de
ventilator
ventilatoren

máy điều hòa

de
airconditioning

máy pha cà phê

het
koffiezetapparaat
koffiezetapparaten

máy nướng bánh mì

het
broodrooster
broodroosters

máy hút bụi

de
stofzuiger
stofzuigers

máy sấy tóc

de
haardroger
haardrogers

ấm đun nước

de
waterkoker
waterkokers

máy rửa chén

de
vaatwasmachine
vaatwasmachines

bếp điện

het
fornuis
fornuizen

lò nướng

de
oven
ovens

lò vi sóng

de
magnetron
magnetrons

tủ lạnh

de
koelkast
koelkasten

máy giặt

de
wasmachine
wasmachines

điều khiển từ xa

de
afstandsbediening
afstandsbedieningen

tai nghe

de
oortelefoon
oortelefoons

chuột

de
muis
muizen

bàn phím

het
toetsenbord
toetsenborden

ổ cứng

de
harde schijf
harde schijven

thanh USB

de
USB-stick
USB-sticks

máy quét

de
scanner
scanners

máy in

de
printer
printers

màn hình

het
scherm
schermen

máy tính xách tay

de
laptop
laptops

rô bốt

de
robot
robots

loa

de
luidspreker
luidsprekers

